



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HO UAN HUONG
Last Middle First

Current Address 38 Truong-m. Vuong - Thua Thien-Hong - Cuu Long

Date of Birth 1942 Place of Birth Cuu Long

Previous Occupation (before 1975) Captain & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 05-1975 To 05-1984

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
Name P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635

Address & Telephone _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone	Relationship
<u>NGUYEN THI HONG SUONG</u>	<u>Sister in Law</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGUYEN - THI - HOANG ANH	1943	wife
HO TRIU LINH	1967	daughter
HO HOANG LINH	1970	son
HO PHU HUNG	1971	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635

TELEPHONE 703.560.0058

IV //

VEVL //

I -171 + Y. NO

EXIT Visa :

Political prisoner registration Form.

(TWO copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam. So that eligibility for U.S admission via the orderly departure program can be established :

1-Applicant in Vietnam: HỒ VĂN HƯƠNG
(Last) (middle) First

Current Address: 38 Trưng Nữ Vương, TXVL, Tỉnh Cửu Long.

Date of Birth : 9-10-1942. Place of Birth: Long Châu Vĩnh Long.

Previous occupation (before 1975)

(Rank - Position): Đại úy Trưởng phòng An Ninh Tiểu Khu Vĩnh Bình

(30-12-1974) - Đại úy Trưởng Ban Chiến tranh chính

trị liên đoàn 942 lưu động Tiểu khu Sà Đéc (30/4/1975)

2-Time Spent in Re-education camps

Dates of form: 5-2-1975 To 8-5-1984

Years : 1984 months : 5 days : 8

3-Sponsor's name : name

Address and telephone number

4-Names of relatives acquaintances in the US.

name, address - Telephone Number.

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under category I of the ODP criteria and have not filed to do so. Also persons in the US who are eligible to petition for relative in Vietnam on INS form I-130 must do so

Date prepared:

5- Name of principal applicant (PA): HỒ VĂN HƯƠNG

(Listed on page 1)

name of dependent accompanying : Date of Birth : Relation to PA

1- Nguyễn Thị Hoàng Anh	: 30-10-1943	: Vợ
2- Hồ Trúc Linh	: 29-10-1967	: con
3- Hồ Hoàng Vũ	: 10-04-1970	: con
4- Hồ Phi Hùng	: 30-05-1971	: con

Dependent's address: (of different form above)

6- Additional information :

Handwritten signature and notes:
HỒ VĂN HƯƠNG

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA 22205-0635
TELEPHONE 703.560.0058

IV //

VEWL //

I -171 + Y. NO

EXIT Visa :

Politien prisoner registration Form.

(TWO copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re education camps in Vietnam. So that eligibility for U.S admission via the orderly departure program can be established :

1-Applicant in Vietnam: HỒ Văn HƯƠNG
(Last) (middle) First

Current Address: 38 Trưng Nữ Vương, TXVL, Tỉnh Cửu Long.

Date of Birth : 9-10-1942. Place of Birth: Long Châu Vĩnh Long.

Previous occupation (before 1975)

(Rank - Position) : Đại úy Trưởng phòng An Ninh Tiểu Khu Vĩnh Bình
(30-12-1974) - Đại úy Trưởng Ban Chiến tranh chính
trị liên đoàn 942 lưu động Tiểu khu Sàigòn (30/4/1975)

2-Time Spent in Re-education camps

Dates of term: 5-2-1975 To 8-5-1984

Years : 1984 months : 5 days : 6

3-Sponsor's name :
name

Address and telephone number

4-Names of relatives acquaintances in the US.

name, address - Telephone Number.

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under category I of the ODP criteria and have not filed to do so. Also persons in the US who are eligible to petition for relative in Vietnam on INS form I-130 must do so .

Date prepared:

5- Name of principal, applicant (PA). HỒ VĂN HƯƠNG

(Listed on page 1)

name of dependent accompanying : Date of Birth : Relation to PA

1- Nguyễn Thị Hồng Anh	: 30-10-1943	: Vợ
2- Hồ Trúc Linh	: 29-10-1967	: con
3- Hồ Hồng Vũ	: 10-04-1970	: con
4- Hồ Phi Hằng	: 30-05-1971	: con

Dependent's address: (of different form above)

6- Additional information

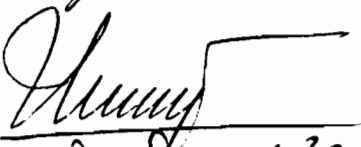
Handwritten signature: Hung
Handwritten text: Hồ Văn Hương

Hình-Lang, ngày 12 tháng 2 năm 1990

Kính thưa Bà.

Trong năm 1986 tôi có gửi lư^u 86 xin đưa sang định cư tại Mỹ hoặc một nước thứ ba nào tiếp nhận, một tôi gửi cho Thái Lan thì được lư^u báo liền sau một tháng gửi đi, còn một tôi gửi cho Bà thì không biết Bà có nhận được không, đến nay gần như là quên Hoa-Kỳ và Việt Nam đã hòa thuận với nhau về việc ra đi của chúng tôi, tôi không biết tôi có được trong danh sách mà định đưa Hoa-Kỳ tiếp nhận hay không, nay tôi xin gửi đến Bà, xin Bà giúp đỡ xin lư^u 86 của tôi còn chưa gửi đi gì xin Bà thông báo cho tôi được biết đi tôi bỏ túi thêm.

Trong khi chờ đợi anh, xin Bà nhận lời tôi công ơn ơn đức và biết ơn. Cầu xin Chúa ở cùng bao người ở phúc và đời gần gũi sức khỏe trên Bà.

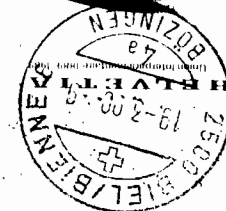

Hô - Nam - Huong
38. Truân - Hu - Huong
Thị Ka - Vinh - Hong, Linh
Cần - Hong - Việt Nam.

BY AIR MAIL
PAR AVION
LUFTPOST



Pasteur TRIỆU THÁI-SƠN
Route Hermann Lienhard 6
CH - 2504 BIENNE/SUISSE
Tél. 032/42 58 90

MAR 24 1990



140

Bà Khúc Minh Thư
P.O Box. 5435
Arlington VA 22205-0635.
U . S . A .



BỘ NỘI VỤ
Trại XUÂN LỘC

Số 262 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -- Tự do -- Hạnh phúc

Mẫu số 001/QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	0	4	7	7	0	2	2	9	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số

275/QĐ

ngày 24

tháng 04

năm 1984

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh ĐO VAN HUNG

Sinh năm 1942

Các tên gọi khác:

Nơi sinh Cầu Long

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt:

21/I Ấp bình tĩnh A, hà tĩnh, thị xã Vinh Long, Cầu Long

Can tội Đại úy trưởng Ban chiến tranh chính trị

Bị bắt ngày 02/05/1975

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số

ngày

tháng

năm

của

Đã bị tăng án lần, cộng thành

năm

tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành

năm

tháng

Nay về cư trú tại XXXXXX tỉnh XXXX, huyện XXXX, thị xã XXXX, Cầu Long

Nhận xét quá trình cải tạo 38 TRƯ NG NỮ VĨNG Thị Xã Vinh Long Cầu Long

(quản chế: 12 tháng)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 26 tháng 05 năm 1984

Lân tay ngón trỏ phải

Của ĐO VAN HUNG

Danh bản số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Đo Van Hung

ĐO VAN HUNG

Ngày 08 tháng 5 năm 1984

Giám thị

Trinh Van Thich

Thượng tá: Trinh Van Thich

Làc nân

Mô-nâm Heng-ông Cò-tri-nt

diên tại Ck Hí-thú-xô-lh

phương i zang-expl-1844

Trên Ck

Thal

10/1/1844

QUESTIONNAIRE FOR GEP APPLICANTS

GEP-IV #. . .

CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

DATE 24/8/1986
ngày

Fill out this questionnaire in English
As completely as possible. If you cannot
read or write in English, fill it out in
Vietnamese.
Xin điền vào sơ câu hỏi sau đây bằng tiếng
Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc
hoặc viết rành Anh ngữ thì bằng tiếng Việt.

: Questionnaire to
: Gửi số câu hỏi này tới:
131 Soi Tien Siang
Sathon Tai Road-Bangkok
Thailand
10120

A-Basic Identification Data/Lý lịch căn bản.

1. Name
Họ tên: HỒ - VĂN - HƯỜNG Sex: NAM
Phối: KHỎA
2. Other Name
Đọ tên khác:
3. Date/Place of Birth.
Ngày/nơi sinh: 9-10-1942, XÃ LOM - CHAU, HUYỆN CHAU-THAM, TỈNH VINH-LONG
4. Residence Address
Địa chỉ thường trú: 38, TRUONG-NỮ-VUONG, THỊ XÃ VINH-LONG, TỈNH CẦN-LONG
5. Thailing Address.
Địa chỉ tạm trú: 38, TRUONG-NỮ-VUONG, THỊ XÃ VINH-LONG, TỈNH CẦN-LONG
6. Current Occupation
Nghề nghiệp hiện tại: KHỎA

B-RELATIVES To Accompany the/Bố con sống đi với tôi:

(Note: your spouse and Unmarried children are the only relative eligible
to accompany you. List marital status (M) as follows: Married (M)
Divorced (D), Widowed (W) or Single (S)
(Chú ý: Vợ/hoặc con cái độc thân sống đi với bạn mà thôi. Li khai tình
trạng hôn nhân như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa vợ/góa
tho (W), hoặc độc thân (S).)

Name Họ, tên	Date of Birth Ngày tháng năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Giới	Relationship Mối quan hệ gia đình
1- NGUYỄN THỊ HƯƠNG-ANH	30-12-1943	ĐÀ-LẠT	NỮ	VỢ
2- HỒ-TRÚC-LINH	29-10-1967	VINH-LONG	NỮ	CON
3- HỒ-HOANG-VU	10-4-1970	VINH-LONG	NAM	CON
4- HỒ-PHÚ-HÙNG	30-5-1971	VINH-LONG	NAM	CON

(Note: For the persons listed above, we will need legible copies of birth
certificates, marriage certificates (if married) divorced/deceased (if divorced)
Spouse's death certificate (if widowed) identification card (if available)
and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with
you, please note their addresses in section I below)
(Chú ý: Cho người đi có tên trên đây, chúng tôi cần bản rõ của giấy khai
sinh, giấy hôn nhân (nếu đã lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai
tử của vợ/hoặc con (nếu con phụ thuộc) và ảnh. Nếu

bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngữ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần 1.)

C- Relatives outside Vietnam/Họ hàng ở ngoài quốc gia : Of my Spouse/của vợ chồng
of my Self/của tôi

1. Closest relative in the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ:

a. Name: NGUYỄN VĂN LÝ
Họ tên :

Địa chỉ:

: 13607 CHARLEMAGNE

b. Relationship:
Liên hệ gia đình: EM CON CỦA NGƯỜI ĐÔI THUỘC CHỨC

THE BELK/LOWER CA

c. Date of Relative's arrival
In the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ. 1975

90.700.
U.S.A

2. Closest Relative in other Foreign Countries:
Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác

: NGUYỄN THỊ HOÀNG-SƯỞ

a. Name:
Họ tên NGUYỄN VĂN ĐỨC

: EM RIÊNG CỦA VỢ.

b. Relationship:
Liên hệ gia đình EM RIÊNG CỦA VỢ

34 BAEGERTENSTRASSE

c. Address: RUE FONTAINE MALLET SAUVI. B 6.
Địa chỉ 93420 VILLE PINE - FRANCE

: 2503 BIENNE

SUISSE

3. Complete family listing (living/dead) of my wife's family (sống/chết)

1. Father:
Cha: HỒ VĂN BÔ (sống).

2. Mother:
Mẹ: NGUYỄN THỊ DÂY (sống).

3. Spouse:
Vợ/chồng: NGUYỄN THỊ HOÀNG-ANH (sống)

4. Former spouse (if any):
Vợ/chồng trước (nếu có) KHOA

5. Children:
Con cái:
(1) HỒ TRUNG LĨNH (sống)
(2) HỒ HOÀNG VŨ (sống)
(3) HỒ PHẠM HUYỀN (sống)
(4)
(5)

6. Siblings:
Anh chị em:

(1) HỒ THỊ GIỎNG (s) HỒ VĂN CHUÔNG (s) HỒ VĂN THOẠI (s) HỒ VĂN ANH
(2) HỒ PHẠM ANH (s) HỒ BẠCH THUYẾT (s) HỒ VĂN ĐOC-MÁI (s)

4. Employment by U.S. Government agencies or other U.S. Government of you or your spouse / bạn hoặc vợ / chồng : của bạn hoặc của vợ / chồng của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name:
Tên họ nhân viên:

Position title:
Chức vụ:

Agency/company/ office:
Đoàn/ hãng/ văn phòng:

Length of employment:
Thời gian làm việc

Name of American supervisor:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc:

2. Employee Name
Tên họ nhân viên:

Position title
Chức vụ:

Agency/company/office
Sở/hàng/Văn phòng

Length of Employment
Thời gian làm việc:

From:
Từ

To:
tới:

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ

Reason for separation
Lý do nghỉ việc:

3. Employee Name
Tên họ nhân viên

Position title
chức vụ:

Agency/company/office
Sở/hàng/Văn phòng

Length of Employment
Thời gian làm việc:

From:
Từ

To:
tới:

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ:

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc:

F. Service with GVN or RUMAT By you or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng
đã công vụ với chính phủ Việt Nam

1. Name of Person Serving

Họ và tên người tham gia:

HỒ VĂN HƯỜNG

2. Dates:

ngày, tháng, năm:

From:

Từ

27/3/1963

To:

tới:

30/4/1975

3. Last Rank

Cấp bậc cuối cùng:

Đại úy

Serial/Number

Số thẻ nhân viên: 42/156.933

4. Ministry/office/Military Unit

Bộ/Sở/Đơn vị Binh chủng:

BỘ CH. HUY TIẾP - KHU VĨNH - BINH PHẠM AN - MIỀN B.

5. Name of Supervisor/C.O.

Họ tên người giám thị/sĩ quan chỉ huy:

TRUNG-TÁ NGUYỄN VĂN SOK

6. Reason for Separation:

Lý do nghỉ việc:

30/4/1975

7. Name of American Advisor (C)

Họ tên cố vấn Mỹ:

8. U.S. Training Courses in Viet Nam:

Chương trình huấn luyện Hoa Kỳ tại Vietnam

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award

Phân thưởng hoặc giấy khen:

Date Received:

ngày nhận:

(Note: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.)

Available? Yes - No -)

(Chú ý: Xin bnh kèm theo các cđ văn bằng, giấy ban khen, hoặc chứng thđ nêu cđ. Đđng cđ cđ - không? Có - Không -)

G. Training outside Vietnam of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã huấn luyện ở ngoài quốc.

1. Name of student/trainee:

Họ tên sinh viên/người được huấn luyện:

2. School and School Address

Trường và địa chỉ nhà trường:

3. Date Ngày tháng năm From: từ :

To: tới:

4. Description of Courses Mô tả ngành học

5. Who paid for Training Ai đài thọ chương trình huấn luyện

(Note: Please attach copies of diplomas or, orders, if available Available Yes - no -)

(Chú ý: Xin bạn kèm theo văn bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? có- không -)

H. Re-education of you or your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học tập cải tạo: HỒ - VĂN - HUÔNG

2. Time in Reeducation : From:

To: 2/5/1975

To: 8/5/1984

3. Still in Reeducation ? Yes :

Van còn học tập cải tạo Có:

No: không: KHÔNG

*(If Released, we must have a copy of your release certificate)

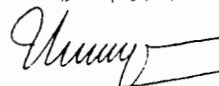
*(Nếu được thả chúng tôi cần 1 bản sao ra trại)

I. Any Additional Remarks ? Các chú phụ thuộc :

Vì lý do nào không còn giấy tờ :

KHI TÔI ĐƯỢC HỌC TẬP CẢI TẠO VỢ TÔI Ở NHÀ VÌ SỐ KẼM ĐÃ ĐÓT HẾT
HỒ - SỐ CỦA TÔI.

Signature Ký tên:



Date:

ngày: 24/8/1986.

J. Please List Here all Documents Attached to this questionnaire
Xin nêu ra tất cả giấy tờ kèm theo với số câu hỏi này .

Kèm theo đây :

CDP-3
6/84:

- 1/ BỐ ĐỘI XE ĐỒI VIỆT NAM CỦA HỒ - VĂN - HUÔNG
- 2/ TRÍCH LỤC VĂN - KIẾN THỂ VÍ HỒ - TÍCH CỦA NGUYỄN THỊ HOÀNG - ANH.
- 3/ BỐ ĐỘI XE ĐỒI VIỆT NAM CỦA HỒ - TRÚC - LÂM.
- 4/ TRÍCH LỤC BỐ KHAI SÁCH CỦA HỒ - HOÀNG - VŨ.
- 5/ BỐ ĐỘI XE ĐỒI VIỆT NAM CỦA HỒ - PHI - HUYỀN.
- 6/ TRÍCH LỤC CHỨNG THỰC HỒ - THÚ.
- 7/ BẢN LÃI QUÂN XA CỦA HỒ - VĂN - HUÔNG.
- 8/ GIẤY RA TRẠI CỦA HỒ - VĂN - HUÔNG.
- 9/ MỘT TẤM ẢNH CỦA VỢ VÀ BA CON.

QUESTION FOR GSP APPLICANTS

A. BASIC IDENTIFICATION:

Date:

1. Name: HỒ - VÂN - HƯƠNG
2. Other name: 9-16-1942, Xã Long - Cầu Chanh - Thuận - Ninh - Long
3. Date Place of birth: 38. Thuận - Mỹ - Vĩnh - Phú - Vĩnh - Long - Tỉnh Cửu - Long
4. Residence address:
5. Mailing address: 38. Thuận - Mỹ - Vĩnh - Phú - Vĩnh - Long - Tỉnh Cửu - Long

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME:

Note: Your spouse and unmarried children are the only relative eligible to accompany you, list marital status (M) as follows: married (M) Divorced (D) Widowed (W) or single (S) ..

Name	Date of birth	Place of birth	Sex	Relationship
NGUYỄN THỊ HOÀNG - ANH	30-12-1943	Đã Lạt	Nữ	VB
Hồ - TRÚC - LÊ NH	29-10-1962	Long Cầu Vĩnh Long	Nữ	ĐT
Hồ - HOÀNG - VU	10-4-1970	Long Cầu Vĩnh Long	Nam	VB
Hồ - PHI - HUYỀN	30-05-1971	Long Cầu Vĩnh Long	Nam	VB

Note: For the persons listed above we will need legible copies of birth certificates marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced) spouse's death certificates (if widowed) identification card (if available) and photos. If any or above accompanying relatives do not live with you please note their address in section I below.

C. RELATIVES OUTSIDE NEST HAN:

1. Closest relative in the US:

- a. Name: NGUYỄN - VÂN - LÊ
- b. Relationship: EM CÔN CỬA DI THỦ CHỈ
- c. Address: 43607 CHARLEMAGNE AVE BELLFLOWER CA 90706 U.S.A

2. Closest relative in other foreign countries:

- a. Name: NGUYỄN - VÂN - ĐỨC
- b. Relationship: EM RUỘT CỬA VB
- c. Address: RUE FONTAINE MARLET SAVOI B.6. 93120 VILLEPINTE-FRANCE

D. COMPLETE FAMILY LISTING: (Living, dead)

Name	Address
------	---------

Father:

HỒ - VÂN - BÔ 38. Thuận - Mỹ - Vĩnh - Phú - Vĩnh - Long - Tỉnh Cửu - Long
NGUYỄN - THỊ - ĐẦY 38. Thuận - Mỹ - Vĩnh - Phú - Vĩnh - Long - Tỉnh Cửu - Long

Name	Address
6. Biblinda	
HỒ - TH - GUÔNG	Xã TÂN - HẠNH, HUYỆN LONG HỒ, THỊ XÃ VINH - LONG, TỈNH CẦN LŨNG
HỒ - VĂN - CHUÔNG	TÂY PHU THOẠI - SƠN, TỈNH AN - GIANG
HỒ - VĂN - THỎM	PHƯỜNG 3, THỊ XÃ VINH - LONG, TỈNH CẦN LŨNG
HỒ - NGOC - ANH	TUYẾN - THỎM, MỘC - HOA
HỒ - PHI - LONG	TỈNH HẬU - GIANG
HỒ - BACH - TUYẾT	38 TRUNG - HUY - VŨNG, THỊ XÃ VINH - LONG, TỈNH CẦN LŨNG
HỒ - NGOC - MAI	1 TRƯỜNG - CÔNG - TỈNH GỖ - CÔNG TIỀN - CHIANG

F. EMPLOYED BY US GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER US ORGANIZATIONS OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person employed
2. Date From: TO:
3. Title of (last) positions held
4. Agency, company, office
5. Name of (last) supervisor
6. Reason for leaving
7. Training for job in Vietnam

G. SERVICE WITH G.V.N. OR R.V.N. OR A.P. BY YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of person serving: HỒ - VĂN - CHUÔNG
2. Dates: 27/3/1963 đến 30/4/1975
3. Last rank: ĐẠI - VY
4. Ministry office, Military Unit: BỘ CHỈ HUY TIỂU - KHU VINH - BINH PHƯƠNG AN - GIANG
5. Name of supervisor: C. C. TRUNG - TÁ TRUYỀN - VĂN - SƠN
6. Reason for leaving: 30 - 4 - 1975
7. Name Of American advisor's
8. US training courses in VN
9. US awards or certificates

Note: Please attach any copies of Diplomas, Awards or certificates if available

available

Yes

No

H. TRAINING OUTSIDE OF YOU OR YOUR SPOUSE

1. Name of student trainer
2. School and school address
3. Dates From: TO:
4. Description of sources
5. Who paid for training:

- 3 -

B. REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Place of prison in reeducation HỒ VĂN HUÂN
2. Total time in reeducation 2 1/5 years 1975 months 215 days 1984
3. Still in reeducation KHÔNG

If released we must have a copy of your release certificate

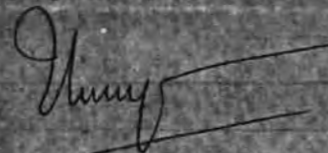
ĐÃ ĐƯỢC THẢ RA KHỎI TRẠI

C. ANY ADDITIONAL REMARKS :

KHI TÔI ĐANG HỌC TẬP CHẾ TẠO VỐ TÔI Ở NHÀ VÌ SỐ HIỆN
ĐÃ ĐÓT HẾT HỒ SƠ CỦA TÔI

SIGNATURE:

DATE:



24/8/1986

D. PLEASE LIST HERE ALL DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE :

- 01- BỐ ĐỒ NGƯỜI VIỆT-NAM CỦA HỒ VĂN HUÂN
- 02- TRÍCH LỤC VĂN-KIỆN THỂ-VỊ NƠI-TỊCH CỦA NGUYỄN THỊ HOÀNG-ANH
- 03- BỐ ĐỒ NGƯỜI VIỆT-NAM CỦA HỒ TRÚC-LINH
- 04- TRÍCH-LỤC BỐ KHAI-SANH CỦA HỒ HOÀNG-VŨ
- 05- BỐ ĐỒ NGƯỜI VIỆT-NAM CỦA HỒ PHÍ-HUYỀN
- 06- TRÍCH-LỤC CHỨNG THỰC HỌN-THỰ
- 07- BẢNG LÃI QUÂN-XA CỦA HỒ VĂN HUÂN
- 08- CỘNG RA TRẠI CỦA HỒ VĂN HUÂN
- 09- MỘT TẤM ẢNH CỦA VỐ VÀ BỐ CON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Tỉnh Vĩnh-Long

QUẬN: **Châu-Thành**

XÃ: **Long-Châu**

Số hiệu **166**

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THU HÔN - THƯ

Hồ-sơ Quân-nhân

Tên, họ người chồng **Hồ-văn-Hương**
nghề-nghiep **Sĩ-Quan Q.L.V.N.C.H.**
sinh ngày **chín** tháng **mười** năm **1942 (9/10/1942)**
tại **Long-Châu (Vĩnhlong)**
cư-sở tại **42, Đường Trưng-nữ-Vương (Vĩnhlong)**
tạm-trú tại **KBC. 4975**
Tên, họ cha chồng **Hồ-văn-Bộ (sống)**
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng **Nguyễn-thị-Dầy (sống)**
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ **Nguyễn-thị-Hoàng-Anh**
nghề-nghiep **Thợ may**
sinh ngày **ba** tháng **mười** năm **1943 (30/10/1943)**
tại **Khu-Phố I Đà-Lạt**
cư-sở tại **Long-Châu (Vĩnhlong)**
tạm-trú tại **42, Đường Trưng-nữ-Vương (Vĩnhlong)**
Tên, họ cha vợ **Nguyễn-văn-Trọng (sống)**
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ **Nguyễn-thị-Tư (sống)**
(Sống chết phải ghi rõ)
-- Ngày cưới **15/10/1967 (hồi 10 giờ)**
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế
ngày **///** tháng **///** năm **///**
tại **///** **///**

Chúng nhận chữ ký tên
của Ủy-Ban Hạnh-Chánh Xã
Long-Châu dưới đây.

Vĩnh-Long, ngày 20/6/đl.1969.

TL. Quận-Trưởng,
Phó Quận-Trưởng,

Võ-Quang-Tử

Trích y bản chính

Long-Châu, ngày **20** tháng **6** năm **1969.**

~~Viên chức Hộ tịch~~
Ủy-Viên Hộ-Tịch,

CHỨNG-KIỆN :
Xã - Trưởng,

Độc

NAM - PHẦN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Tỉnh _____
Xã _____
Xã Longchâu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BỘN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1971

XÃ Longchâu TỈNH Vinhlong (NAM - PHẦN)

SỐ HIỆU 1263-

Tên họ đứa con nít	Hồ-Phi-Hùng
Nam nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày ba mươi tháng năm dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi một-
Sanh tại chỗ nào	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ cha	Hồ-văn-Hương
Cha làm nghề gì	Quản nhân
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Tên họ mẹ	Nguyễn-thị-Hoàng-Anh
Mẹ làm nghề gì	Nội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vinhlong)
Vợ chánh hay thứ	Vợ chánh hôn thú số: 166/197 Longchâu Vinhlong)

TRÍCH TÀI THỰC

Trích y bản chánh

Longchâu ngày 5 tháng 6 năm 1971

Ủy-Viên Hộ-Tịch,



Lệ - phí _____

Biên lai số _____

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH VINH - LONG
QUẬN CHÂU - THẠNH
XÃ LONG - CHÂU

Số hiệu 883

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 12 tháng 2 năm 19 70

Tên họ đứa trẻ :	HỒ HOÀNG - VŨ
Con gái hay trai :	NAM
Ngày sanh	MỘT NGÀN CHÍN TRĂM BẢY MƯƠI
Nơi sanh	LONG-CHÂU (VINH-LONG)
Tên họ người cha :	HỒ - VAN - HƯƠNG
Tên họ người mẹ :	NGUYỄN THỊ HOÀNG - ANH
Vợ chánh hay không	VỢ CHÁNH . HÔN THỨ SỐ 166/1967
có hôn thú :	LONG-CHÂU (VINH-LONG)
Tên họ người đứng khai :	HỒ - VAN - BỐ

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH

LONG - CHÂU , ngày 8 tháng 1 năm 1975

Xã-Trưởng kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Phạm Công Chính
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

NAM - PHẦN
Tỉnh VINH - LONG
Quận CHÂU - THÀNH
Xã LONG - CHÂU

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT - NAM

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH NĂM 1967-

XÃ LONG-CHÂU TỈNH VINH-LONG (NAM-PHẦN)

SỐ HIỆU : 2807-

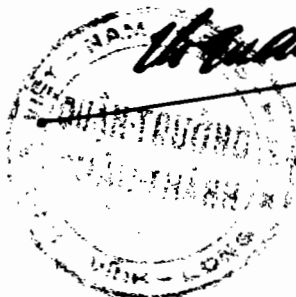
Tên họ đứa con nít	Hồ-Trúc-Linh
Nam Nữ	Nữ
Sinh ngày nào	Ngày hai mươi chín tháng mười dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy
Sanh tại chỗ nào	Longchâu (Vĩnhlong)
Tên họ cha	Hồ-văn-Hương
Cha làm nghề gì	Bí quan v.v. v.v. v.v.
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vĩnhlong)
Tên họ mẹ	Nguyễn-thị-Hoàng-Anh
Mẹ làm nghề gì	Thợ may
Nhà cửa ở đâu	Longchâu (Vĩnhlong)
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh (Hôn thú số: 166/1967 Longchâu (Vĩnhlong))

Chúng tôi
Quận-Trưởng Quận Châu-Thành chứng cho hợp
pháp chữ ký tên ngang đây của U.B.H.C Xã
Long - Châu.

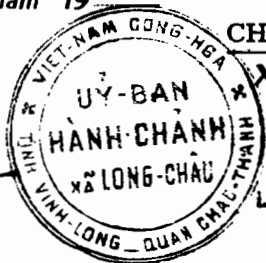
Vinhlong, ngày 21 tháng 8 năm 1969

TL Quận - Trưởng,

Phó Quận - Trưởng,



VÕ-QUANG-TÚ



CHỨNG - KIẾN :

Xã - Trưởng,

LÊ-NGỌC-MỆO
Xã-Trưởng

Trích lục y như trong bộ
Longchâu, ngày 21 tháng 8 năm 19 69

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

PHAN-TÔNG-TRUẬT

Lệ phí :

Biên lai số :

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ-PHÁP

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TRÍCH-LỤC VĂN-KIỆN THẺ-VÌ HỘ-TỊCH

TÒA HÒA-GIẢI R.Q.Dalat LƯU-TRỮ TẠI PHÒNG LỤC-SỰ TÒA HÒA-GIẢI Rộng Quyền Dalat

(1) ngày 26.9.1961

Giấy Thẻ-Vì KHAI SINH

cho Nguyễn thị Hoàng Anh Một bản chính thẻ-vì Khai sinh

(1) Số 953/DX

Cấp cho Nguyễn thị Hoàng Anh Do Ông Phạm

ngọc Thu, Chánh Án ~~Tòa H.G. R.Q. Dalat~~ Tòa H.G. R.Q. Dalat

Với tư cách Thẩm-Phán Hòa-Giải cấp ngày 26.9.1961

_____ và đã trước bạ :

TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY :

1.LE THI SAU 2.NGUYEN THI DI FP 3.NGUYEN KIM PHUNG

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-Định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chính-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và kế-tiếp Hình-Luật Canh-Cải sửa đổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả quyết và biết chắc rằng :

- NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH (phái nữ), sinh ngày 30 tháng 10 năm 1943 tại Khu phố Một, Dalat, con của Nguyễn văn Trọng và Nguyễn thị Tư ./-

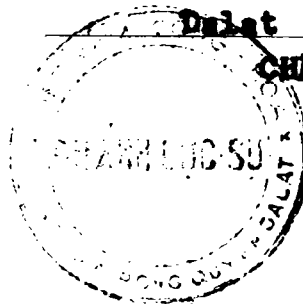
TRÍCH LỤC Y THEO BẢN CHÍNH

Dalat, ngày 23 tháng 4 năm 196 9

CHÍNH LỤC-SỰ

LỆ-PHÍ { H
Khai sinh : 5\$00

(1) Lập lại số, ngày tháng và năm trên đây mỗi khi xin trích-lục



BỜI VĂN GIẢN

NAM-PHẦN
(SUD VIET NAM)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
(ÉTAT DU VIETNAM)

Nhà Vĩnh-Long
Quận Châu-Thành
Xã Long-Châu

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT-NAM
(ÉTAT CIVIL VIETNAMIEN)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH NĂM 1942

(Extrait du registre des actes de naissance de l'année)

XÃ Long-Châu TỈNH Vĩnh-Long NAM-PHẦN
(Village) (Province) (Sud Viet Nam)

SỐ HIỆU 862
(Acte No)

Tên họ đứa con nít (Nom et prénoms de l'enfant)	Hồ-văn-Hương
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Gargon
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Le 9 Octobre 1942
Sanh chỗ nào (Lieu de naissance)	(Maternité) Long-Châu
Tên, họ cha (Nom et prénoms du père)	Hồ-văn-Bộ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Garde-civile-Locale
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Châu
Tên họ mẹ (Nom et prénoms de la mère)	Nguyễn-thị-Đầy
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Tân-An
Vợ chính hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi
(Nous)

Quận-Trưởng quận Châu-Thành
(Délégué Administratif)

Chúng cho hợp pháp chữ ký tên ngang đây của
(Certifions l'authenticité des signatures apposées ci-contre des)

Ủy Ban Hành-Chánh Xã Long-Châu
(Conseillers communaux du village de)

Vĩnh-Long, ngày 20 tháng 6 năm 1942.

Sao lục như trong bộ
(Pour extrait conforme)

Long-Châu, ngày 20 tháng 6 năm 1942.
, le

~~CHỖ ĐÓNG CHỮ ĐÓNG CHỮ~~

CHỨNG-KIỆN :
Xã-Trưởng,

Ủy-Viên Hộ-Tịch,

PHAN-TUNG-CH

TL. Quận-Trưởng
(Délégué Administratif)
Phó Quận-Trưởng,



TRƯƠNG-VAN-DHAI
Phó Chủ-Tịch

Lệ phí Hồ-sơ Quân-nhân
(Cout)

Biên lai số
(Quittance No)

Võ-Quang-Tử

Cử Φ trã cõT

BƯU CHÍNH
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Administration des Postes
de la R. S. du Viet Nam

BƯU CHÍNH
Service des Postes

GIẤY BẢO

Avis de (2)

Nhận
Réception

Trả tiền
Payement

BĐ. 29
(29 và 29a cũ)

C. 5
Nhật ấn Bưu cục
hoàn giấy bảo
Timbre du bureau
renvoyant l'avis

Mẫu 74 - 15 X 10

(3) Địa chỉ: HỒ VĂN HƯNG
Adresse: 38 Trưng Nữ Vương
ở (a) CỦA LONG nước (Pays) VIỆT NAM

- (1) Nếu giấy bảo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay »
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « envoi par avion »
và dán là nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « Par avion »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (Biffer ce qui ne convient pas).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy bảo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Do Bureau cục nhận
A remplir par le bureau
d'origine

Bưu phẩm ghi số (1)

Brevet recommandé

Ký gửi tại Bureau cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

Địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

HCN
27/8 1986
số 769
sous le n°
Orderly De Tour Program

121 Siang Sathon Rd Bangkok Thailand

Chữ ký Bureau cục nhận
A remplir à destination

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été dûment livré

ngày

le

9 SEP 1986

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (r)

Chữ ký nhân viên

Bureau cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn Bureau cục nhận

Tambré du bureau

destinataire

LƯU CHỮ : (x) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký "C-roc ủy quyền".
Nếu phát chậm ghi lý do như "Người nhận báo lần thứ 3 mới đến".

CÔNG AN CỬU LONG
PHÒNG QUẢN LÝ
XUẤT NHẬP CẢNH

SỐ : 640 . IBN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

BIÊN NHẬN

- Ông, Bà : HỒ VĂN THƯỜNG Năm sinh : 1942
— Địa chỉ : 28 Trưng nữ vương F1 TXH.
— Có nộp đơn xin xuất cảnh kèm theo hồ sơ xin đi xuất cảnh sang Hoa Kỳ

Diện nhân đạo

Những người cùng đi

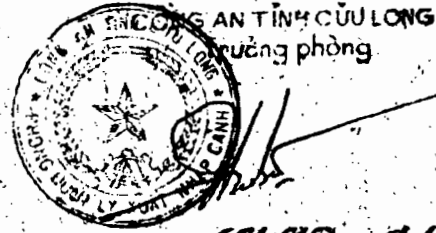
Nguyễn T. Hoàng Anh 1943.

Hồ Đức Linh 1969.

Hồ Hoàng Tú 1970.

Hồ Phi Hùng 1971.

Ngày 4 tháng 1 năm 1990.



Lê Văn Đức

Triệu Thái Sơn
Route H.Lienhard 6
2504 Bienne

Bienne ngày 4 tháng 2 năm 1990

SUISSE

Kính gửi: Bà Khúc Minh Thu
P.O.Box 5434
Arlington VA 22205-0635
U.S.A

Kính thưa Bà,

Tôi là Mục-sư Triệu Thái-Sơn hiện ở tại Thụy Sĩ, kính gửi thư này đến xin Bà vui lòng giúp tôi một việc như sau:

Tôi có một người anh tên: Hồ Văn Hương, sinh năm 1942
hiện cư ngụ 38 Trưng Nữ Vương
Thị xã Vĩnh Long, Tỉnh CỬI-LONG
VIET-NAM

Anh tôi đã nộp hồ sơ xin xuất cảnh sang Hoa Kỳ ngày 4 tháng 1 năm 1990, theo diện nhân đạo. Nay tôi kính xin vui lòng cho biết hồ-sơ của anh tôi đã được ghi trong danh sách đi diện nhân đạo chưa?

Nếu đã có, xin Bà vui lòng cho tôi một cái L.O.I để anh tôi bổ túc thêm hồ-sơ về phía Việt-Nam. Xin Bà vui lòng gửi về địa chỉ của tôi như trên.

Trong khi chờ đợi sự trả lời của Bà, tôi xin gửi đến Bà tất cả lòng biết ơn chân thành .

Nay Kính


Faster TRIEU THAI SON
Route Hermann Lienhard 6
CH - 2504 Bienne/Suisse
Tel. 032/42 58 91

Annexe: 1 biên nhận số 640
1 giấy báo

Pasteur TRIỆU THÁI-SƠN
Route Hermann Lienhard 6
CH - 2504 BIENNE/SUISSE
Tél. 032/42 58 90



Kính gửi
anh chị và gia đình
tại Khố 1, n
phước Sơn, xã
Đ. BDP.

FEB 15 1990



Mrs. KHUC-MINH-THU
P.O.Box 5435
Arlington
VA.22205-0635
U.S.A.

